



**GIẤY ĐỀ NGHỊ MỞ HỒ SƠ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC
VÀ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG**

m r m b

p g b

Ngày (Date):/...../.....

Số hồ sơ thông tin khách hàng (CIF No.):

Với mọi trách nhiệm thuộc về mình, chúng tôi đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) (Taking full legal responsibility to ourselves, we kindly request Joint stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)):

Mở hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức (Open CIF – customer information file)

Đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng (Registered for banking services)

**A - PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG MỞ HỒ SƠ THÔNG TIN
FOR CUSTOMER REGISTERING INFORMATION**

A1 - THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

- TÊN KHÁCH HÀNG (*)¹ (Customer name in Vietnamese): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
- TÊN TIẾNG ANH (Name in English): NGOC THOM TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED
- TÊN VIẾT TẮT (*) (Short name):
- TÌNH TRẠNG CƯ TRÚ (*) (Residence Status): Cư trú (Resident) Không cư trú (Non-resident)
- ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH (*) (Headquarter Address: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH² (Current Address):
- GIẤY TỜ ĐỊNH DANH (*) (Identity Type)

<input checked="" type="checkbox"/> Đăng kí kinh doanh/Đăng kí doanh nghiệp (Business License)	<input type="checkbox"/> Quyết định thành lập (Establishment License)	<input type="checkbox"/> Khác (Other):
Số (No): 0309391503	Ngày cấp ³ : 25/09/2009	Nơi cấp: Sở Tài Chính - Thành phố Hồ Chí Minh
Hồ Chí Minh	(Issue Date)	(Issue Place)
- MÃ SỐ THUẾ (*) : 0309391503 (Tax Code)

Ngày cấp: 25/09/2009	Nơi cấp Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh
(Issue Date)	(Issue Place)

Quý khách được miễn VAT theo quy định pháp luật: Có (Yes) Không (No)
(VAT Exempt in accordance with the law)

- ĐIỆN THOẠI (*) (Business Phone): 0909097925 FAX (Fax No.):
- TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (Website): <https://ngocthom.com.vn/>
- LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH (*) (Areas of operation and business): Bán buôn thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- TỔNG DOANH THU 02 NĂM GẦN NHẤT (*) (Revenue of the last 02 years)

Năm (Year) 20.....: Tỷ VND (billion VND)	Năm (Year) 20 Tỷ VND (billion VND)
--	--
- LOẠI HÌNH TỔ CHỨC (Type of Institution)

<input checked="" type="checkbox"/> Công ty TNHH Một thành viên (A single-member limited liability company)	<input type="checkbox"/> Công ty TNHH Hai thành viên trở lên (Limited Liability Company with two or more members)
<input type="checkbox"/> Công ty cổ phần (Joint Stock Company)	<input type="checkbox"/> Công ty hợp danh (Partnerships)
<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân (Private enterprise)	<input type="checkbox"/> Tổ chức phi lợi nhuận (Non-profit organization)
<input type="checkbox"/> Khác, ghi rõ (Other, please specify):	
- NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (*) (Legal Representative)

HỌ TÊN (Full name): Trần Thị Thơm

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts)

¹ Các mục tích dấu (*) là bắt buộc khai báo thông tin (Items marked with an asterisk (*) are mandatory fields)

² Khai báo trường hợp địa chỉ giao dịch khác địa chỉ Trụ sở chính (Fill in the form in case Current Address is different from Headquarter Address)

³ Các trường Ngày tháng, điền theo định dạng DD/MM/YYYY (Date format DD/MM/YYYY)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (if choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ⁴ (Position): Nghề nghiệp⁵ (Occupation): Ngày sinh:
(Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:
(Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch
(Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTDĐ: Thư điện tử:
(Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước
(Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): 019178011295 Ngày cấp: 10/08/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH Ngày hết hạn: 23/05/2038
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address): 12/14/18 Đường 49, Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ (Current Address): 207/25/10 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Nhất, Hồ Chí Minh

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp
(ID issued by foreign competent authorities if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):
(Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:
(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:
(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No) (Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Passport No) (Issue Place)

Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Trường hợp có nhiều hơn 01 Người đại diện theo pháp luật, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 01 – Thông tin bổ sung về Người đại diện hợp pháp (if there is more than 01 Legal Representative, please add the corresponding information in Appendix 01 – Additional Information of Lawful Representatives of Customer)

15. TỔNG GIÁM ĐỐC/ GIÁM ĐỐC (*) (General Director/ Director)

HỌ TÊN (Full name):

Trùng với cá nhân tại mục A1.14 (Being the individual in section A1.14)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Tổng Giám đốc/Giám đốc khác với cá nhân tại mục A1.14 (Fill in the information below in case the General Director/Director is different from the individual in section A1.14):

Là KHCHN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (if choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts).....

⁴ Lựa chọn chức vụ, xem mục D.5 Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (For Position, please see D.5-Guideline for using form for Customer)

⁵ Lựa chọn nghề nghiệp, xem mục D.6 Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (For Occupation, please see D.6-Guideline for using form for Customer)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:
(Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:
(Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam Khác (ghi rõ): Không quốc tịch
(Nationality) (Vietnamese) (Other, please specify) (Stateless individual)

Điện thoại cố định: ĐTDĐ: Thư điện tử:
(Business Phone) (Mobile) (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước CMND Căn cước điện tử Giấy chứng nhận căn cước
(Citizen ID) (ID) (eID) (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp
(ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Thị thực Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):
(Visa) (Visa equivalent document, please specify) (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
(Issue Date) (Issue Place) (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:
(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:
(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Nationality): (Passport No) (Issue Place)

..... Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch Hộ chiếu số: Nơi cấp:
(Nationality): (Passport No) (Issue Place)

..... Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

16. KẾ TOÁN TRƯỞNG/ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (*) (Chief Accountant) Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn Có, đề nghị điền các thông tin sau (If choose "Yes", please fill in the following information):

HỌ TÊN (Full name):

Trùng với cá nhân tại mục A1.14 (being the individual in section A1.14)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán khác với cá nhân tại mục A1.14 (Fill in the information below in case the Chief accountant is different from the individual in section A1.14):

Là KHCHN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:
(Date of birth)

Giới tính: Nam Nữ Tình trạng cư trú: Cư trú Không cư trú Ngày hết hạn cư trú:
(Gender) (Male) (Female) (Resident Status) (Resident) (Non-resident) (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam (Nationality) (Vietnamese) Khác (ghi rõ): (Other, please specify) Không quốc tịch (Stateless individual)

Điện thoại cố định: (Business Phone) ĐTDĐ: (Mobile) Thư điện tử: (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước (Citizen ID) CMND (ID) Căn cước điện tử (eID) Giấy chứng nhận căn cước (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):
Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (International travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Thị thực (Visa) Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): (Visa equivalent document, please specify) Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ): (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam: (Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài: (Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: (Passport No) Nơi cấp: (Issue Place)
Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):
Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: (Passport No) Nơi cấp: (Issue Place)
Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):
Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

17. NGƯỜI THÀNH LẬP LÀ CÁ NHÂN (*) (The Founder is individual(s)) Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn Có, đề nghị điền các thông tin sau (If choose "Yes", please fill in the following information):

HỌ TÊN (Full name):
Trùng với cá nhân tại (being the individual in): mục A1.14 (Section A1.14) mục A1.15 (Section A1.15) mục A1.16 (Section A1.16)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14/A1.15/A1.16 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14/A1.15/A1.16 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Người thành lập là cá nhân khác với cá nhân tại mục A1.14/A1.15/ A1.16 (Fill in the information below in case the Individual founder is different from the individual in section A1.14/ A1.15/ A1.16)

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's individual customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (CIF No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts)

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (If choose "No", please fill in the following information):

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh: (Date of birth)

Giới tính: Nam (Male) Nữ (Female) Tình trạng cư trú: Cư trú (Resident) Không cư trú (Non-resident) Ngày hết hạn cư trú: (Residence expiry date)

Quốc tịch: Việt Nam (Nationality) (Vietnamese) Khác (ghi rõ): (Other, please specify) Không quốc tịch (Stateless individual)

Điện thoại cố định: (Business Phone) ĐTDĐ: (Mobile) Thư điện tử: (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước (Citizen ID) CMND (ID) Căn cước điện tử (eID) Giấy chứng nhận căn cước (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):
Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:

Thị thực (Visa) Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ):

Số (No): Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam:
(Registered address of residence in Vietnam)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài:
(Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality):
Hộ chiếu số: Nơi cấp:
Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality):

Quốc tịch (Nationality):
Hộ chiếu số: Nơi cấp:
Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date):

Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality):

Trường hợp có nhiều hơn 01 cá nhân thành lập, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 04 – Thông tin bổ sung về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (if there is more than 01 individual founder, please add the corresponding information in Appendix 04 - Additional information of Founder, Parent organization)

18. NGƯỜI THÀNH LẬP LÀ TỔ CHỨC (*) (Institutional Founder) Có (Yes) Không (No)
Trường hợp chọn Có, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 04 – Thông tin bổ sung về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (if choose "Yes", please add the corresponding information in Appendix 04 - Additional information of Founder, Parent organization).

19. CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI (*) (Beneficiary owner) Có (Yes) Không (No)
Trường hợp chọn Có, đề nghị điền các thông tin sau (if choose "Yes", please fill in the following information):

HỌ TÊN (Full name):
Trùng với cá nhân tại (being the individual in): mục A1.14 (Section A1.14) mục A1.15 (Section A1.15) mục A1.16 (Section A1.16) mục A1.17 (Section A1.17)

Ghi rõ thông tin giấy tờ tùy thân trong trường hợp có nhiều người cùng tên tại mục A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 (Please specify identity documents if there are multiple individuals in section A1.14/A1.15/A1.16/A1.17 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17 (Fill in the information below in case the Beneficiary owner is different from the individual in section A1.14/ A1.15/ A1.16/ A1.17):

Là KHCN của Vietcombank (Vietcombank's Individual customer): Có (Yes) Không (No)
Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (if choose "Yes", please provide):
Số CIF (Cif No): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts):

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền các thông tin sau (if choose "No", please fill in the following information):
Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Occupation): Ngày sinh:

Giới tính: Nam (Male) Nữ (Female) Tình trạng cư trú: Cư trú (Resident) Không cư trú (Non-resident) Ngày hết hạn cư trú:

Quốc tịch: Việt Nam (Nationality) (Vietnamese) Khác (ghi rõ): (Other, please specify) Không quốc tịch (Stateless individual)

Điện thoại cố định: (Business Phone) ĐTDĐ: (Mobile) Thư điện tử: (E-mail Address)

Đối với cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (For individuals who are Vietnamese citizens or people of Vietnamese origin whose nationality has not been determined)

Thẻ CCCD/Thẻ căn cước (Citizen ID) CMND (ID) Căn cước điện tử (eID) Giấy chứng nhận căn cước (Identity certificate)

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Địa chỉ thường trú (Permanent Address): Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch (For individuals who are foreigners or stateless persons)

Hộ chiếu (Passport) Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (ID issued by foreign competent authorities, if any)

Danh tính điện tử (eID) Giấy tờ khác có giá trị đi lại quốc tế (ghi rõ) (Internation travel document, if any):

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Thị thực (Visa) Giấy tờ thay thị thực (ghi rõ): (Visa equivalent document, please specify) Giấy tờ miễn thị thực (ghi rõ): (Visa exemption document, please specify)

Số (No): Ngày cấp: (Issue Date) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày hết hạn: (Expiry Date)

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam: (Registered address of residence in Vietnam) Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài: (Overseas registered residential Address)

Thông tin bổ sung thêm đối với cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên (Additional information for individuals with multiple nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: (Passport No) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date): Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Quốc tịch (Nationality): Hộ chiếu số: (Passport No) Nơi cấp: (Issue Place) Ngày cấp (Issue Date): Ngày hết hạn (Expiry Date): Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch (Registered address of residence in the country of nationality)

Chủ sở hữu hưởng lợi là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị (PEP): Có (Yes) Không (No) (The Beneficiary owner is a foreign politically exposed person (PEP))

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp thông tin về nguồn gốc tài sản của chủ sở hữu hưởng lợi (If choose "Yes", please provide information about the origin of the beneficial owner's assets):

Trường hợp nhiều hơn 01 Chủ sở hữu hưởng lợi, đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 05 – Thông tin bổ sung về Chủ sở hữu hưởng lợi (If there is more than 01 Beneficiary owner, please add the corresponding information in Appendix 05 – Additional information of Beneficiary Owner).

20. THÔNG TIN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (áp dụng trong trường hợp mở CIF cho đơn vị phụ thuộc của pháp nhân) (Parent organization – applicable for opening CIF of organization's unit dependent including branches, representative offices)

TÊN TỔ CHỨC (Organization name in Vietnamese):

Trùng với tổ chức tại mục A1.18 (Being the organization in section A1.18) Ghi rõ (nếu nhiều tổ chức cùng tên tại mục A1.18) (Please specify if there are multiple organizations in section A1.18 with the same name):

Điền các thông tin bên dưới trong trường hợp Tổ chức chủ quản khác với tổ chức tại mục A1.18 (Fill in the information below in case the Parent organization is different from the organization in section A1.18):

Là KHTC của Vietcombank (Vietcombank's Organization customer): Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị cung cấp (If choose "Yes", please provide):

Số CIF (Cif No.): Hoặc một trong số các tài khoản thanh toán tại Vietcombank (Or one of Vietcombank Current Accounts):

Trường hợp chọn "Không", đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 04 – Thông tin bổ sung về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (If choose "No", please add the corresponding information in Appendix 04 - Additional information of Founder, Parent organization).

A2 - THÔNG TIN NHẬN BIẾT TĂNG CƯỜNG PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ (Intensive Customer Identification Information for compliance purpose)

1. THÔNG TIN THỎA THUẬN PHÁP LÝ (*) (Related Information in a legal arrangement)

Quý khách là bên nhận ủy thác (Customer is the trusted party) Có (Yes) Không (No)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 08 – Thông tin thỏa thuận pháp lý (If choose "Yes", please add the corresponding information in Appendix 08 – Information of legal arrangement)

2. THÔNG TIN TĂNG CƯỜNG (*) (Intensive information)

Trường hợp Quý khách thuộc đối tượng cần cung cấp thông tin tăng cường theo quy định⁶, vui lòng điền các thông tin sau (If customer belongs to one of the subjects required to provide intensive information as stipulated, please fill in the following information):

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính:

(The production, business or service line that generates major income)

Nguồn tiền/nguồn tài sản trong giao dịch của Quý khách hàng (Source of fund/source of wealth in customer's transactions):

3. MỤC ĐÍCH VÀ BẢN CHẤT MỐI QUAN HỆ KINH DOANH CỦA QUÝ KHÁCH VỚI VIETCOMBANK (*)

(Có thể chọn nhiều mục) (Purpose(s) and nature of the business relationship between Customers and Vietcombank – Customer may choose multiple choices):

Thanh toán (Payment)

Tiền gửi (Deposit)

Vay vốn (Lending)

Chuyển tiền trong nước (Domestic remittance)

Chuyển tiền nước ngoài (Overseas remittance)

Khác, ghi rõ (Other):

4. THÔNG TIN TUÂN THỦ FATCA⁷ (*) (FATCA compliance information)

Có (Yes) Không (No)

Quý khách là tổ chức thành lập tại Hoa Kỳ (Customer is an entity which established in the U.S)

Quý khách là tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ (Customer is a non-U.S financial institution)

Quý khách là tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ có một hoặc nhiều người kiểm soát là công dân hoặc đối tượng cư trú của Hoa Kỳ (Customer is a non-U.S non-financial entity which has one or more supervisory person being U.S citizen or US resident)

Trường hợp chọn "Có", đề nghị điền thông tin tương ứng tại Phụ lục 09 – Thông tin tuân thủ FATCA (If choose "Yes", please add the corresponding information in Appendix 09 – Information of FATCA compliance).

Quý khách vui lòng thông báo cho Vietcombank trong vòng 30 ngày kể từ ngày có những thay đổi liên quan đến các thông tin cho mục đích tuân thủ nêu trên và mẫu Thông tin khách hàng tổ chức cho mục đích tuân thủ (nếu có) (Please notify Vietcombank within 30 days from the date of any changes in the above information for compliance purposes and the attached compliance information form for institutional customer knowledge purposes (if any))

5. THÔNG TIN TUÂN THỦ BỔ SUNG NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG CÓ QUAN HỆ NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ HOẶC CÓ GIAO DỊCH NESTED VỚI VIETCOMBANK⁸ (*) (Supplemental compliance information for customer being a financial institution or has "nested correspondent banking" transactions with Vietcombank)

Trường hợp Quý khách có quan hệ Ngân hàng đại lý hoặc có giao dịch "nested correspondent banking", đề nghị điền thông tin tại Phụ lục 10 – Thông tin bổ sung dành cho khách hàng có quan hệ ngân hàng đại lý (In case Customer is a Financial Institution or has "nested correspondent banking" transactions, please add the corresponding information in Appendix 10 – Additional Information for customer being a financial institution).

B - PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

FOR CUSTOMER REGISTERING SERVICES

Chúng tôi đề nghị Vietcombank cung cấp các dịch vụ sau đây (We request Vietcombank to provide the following banking services):

B1 - DỊCH VỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI (Deposit Account service)

CHỦ TÀI KHOẢN (*) (Customer name in Vietnamese):

TÊN TÀI KHOẢN (*) (Account name in Vietnamese):

LOẠI TÀI KHOẢN (*)

Type of A/C Required

Tài khoản thanh toán

Current A/C

TKTT số chọn

Current A/C with favorite number

TKTT chung

Joint - account holder

TKTT chuyên dùng theo quy định của pháp luật

Special purpose A/C

Khác (ghi rõ):

Other (please specify)

LOẠI TIỀN (*)

Currency

VND

USD

Khác (ghi rõ):

Other (please specify)

⁶ Xem chi tiết mục B.3 Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (Please see section B.3 of Guideline for using form for customer for details)

⁷ Định nghĩa và giải thích chi tiết, Quý khách tham khảo tại mục C.10 - Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (Definition and detailed explanation, please refer to section C.10 of the Guideline for using form for customer)

⁸ Định nghĩa và giải thích chi tiết, Quý khách tham khảo tại mục C.8, 9 - Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu dành cho khách hàng (Definition and detailed explanation, please refer to section C.8, 9 of the Guideline for using form for customer)

B2 - CÁC DỊCH VỤ KHÁC⁹ (Other services)

Quý khách tích chọn vào các dịch vụ sau đây (Please select from the following services):

	Có (Yes)	Không (No)
VCB CASHUP (DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ DÀNH CHO DOANH NGHIỆP LỚN) (Digital Banking service for Large Corporate)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
VCB IB@NKing (DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ DÀNH CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ THƯƠNG MẠI) (Digital Banking service for Mid and Commercial Corporate)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
VCB DIGIBIZ (DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ DÀNH CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ) (Digital Banking service for SME)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
VCB SMS BANKING (DỊCH VỤ NGÂN HÀNG QUA TIN NHẮN DI ĐỘNG) (VCB-SMS B@nking Service)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
VCBCC (DỊCH VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI TRỰC TUYẾN) (Online Trade finance service)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (Debit Card service for institutional customer)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Đối với các câu trả lời "Có" tại mục này, Quý khách vui lòng bổ sung thông tin tương ứng tại (các) phụ lục Đăng ký sử dụng dịch vụ dành cho khách hàng tổ chức. Khách hàng đính kèm mẫu đăng ký sử dụng dịch vụ tương ứng (không yêu cầu ký tên tại Phần dành cho Khách hàng) với Giấy đề nghị này và đóng dấu giáp lai giữa các văn bản (For the answers "Yes" in the above section, please add the corresponding information in the service registration forms for institutional customers. Customer attaches the corresponding service registration form (No signature is required in the Customer Section) to this Application form and affixes the stamp between the documents). (Các) phụ lục này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị mở hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng của Vietcombank mà Quý khách đã xác nhận thông tin (These appendices is an integral part of Application for opening customer information file (CIF) and using banking services (for organization) of Vietcombank within your signature for declaration)

C – ĐĂNG KÝ BỔ SUNG THÔNG TIN KHÁCH HÀNG, DỊCH VỤ VÀ CAM KẾT LIÊN QUAN**REGISTRATION OF SUPPLEMENT INFORMATION, SERVICE AND RELATED COMMITMENT**

Các bản đăng ký bổ sung thông tin khách hàng, dịch vụ và cam kết theo các phụ lục, tài liệu sau đây đã được chúng tôi khai báo, thực hiện và là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị mở hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng này¹⁰ (Registration of supplement information, service and related commitment in following appendices and documents are registered and constitute integral parts of this Application)

- Phụ lục 01 – Thông tin bổ sung về Người đại diện hợp pháp (Appendix 01 – Additional Information of Lawful Representatives of Customer)
- Phụ lục 02 – Thông tin người được Người đại diện hợp pháp ủy quyền (Appendix 02 – Information of Person authorised by Lawful Representative of Customer)
- Phụ lục 03 – Thông tin người được Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán ủy quyền (Appendix 03 – Information of Person authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting)
- Phụ lục 04 – Thông tin bổ sung về Người thành lập, Tổ chức chủ quản (Appendix 04 – Additional information of Founder, Parent Organization)
- Phụ lục 05 – Thông tin bổ sung về Chủ sở hữu hưởng lợi (Appendix 05 – Additional information of Beneficiary Owner)
- Phụ lục 06 – Thông tin đăng ký chữ ký, mẫu dấu (Appendix 06 – Registration of signatures and specimen seals)
- Phụ lục 07 – Thông tin người được ủy quyền giao nhận hồ sơ/chứng từ, giao dịch tiền mặt tại ngân hàng (Appendix 07 – Information of Authorized persons for performing document delivery and receipt, cash receipt/deposit at VCB)
- Phụ lục 08 – Thông tin thỏa thuận pháp lý (Appendix 08 – Information of legal arrangement)
- Phụ lục 09 – Thông tin tuân thủ FATCA (Appendix 09 – Information of FATCA compliance)
- Phụ lục 10 – Thông tin bổ sung dành cho khách hàng có quan hệ ngân hàng đại lý hoặc khách hàng có giao dịch nested correspondent banking (Appendix 10 – Additional Information for customer being a financial institution or having nested correspondent banking transaction)
- Phụ lục 11 – Giấy đề nghị đăng ký mới dịch vụ VCB-SMS B@nking, ngân hàng số VCB DigiBiz, gói giao dịch SME và thẻ ghi nợ doanh nghiệp (Appendix 11 – Application for registration of VCB-SMS B@nking, VCB DigiBiz, SME transaction package and Corporate debit card)
- Bản đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử (dành cho khách hàng tổ chức) (VCB-IB@nking Enrolment Form (For Corporate and FI))
- Bản đăng ký sử dụng dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền trên hệ thống VCB CashUp (Registration form for payment and cash management services on VCB Cashup system)
- Đăng ký sử dụng dịch vụ TTTM trực tuyến (Registration for online trade finance services)

⁹ Định nghĩa và giải thích chi tiết, Quý khách tham khảo tại Điều khoản sử dụng và Hướng dẫn sử dụng của từng dịch vụ (Definition and detailed explanation, please refer to the Terms of Use and User Manual Guide of each service)

¹⁰ Khách hàng đính kèm các phụ lục, tài liệu nêu trên (nếu sử dụng) với mẫu biểu này và đóng dấu giáp lai giữa các văn bản (Customer attaches Appendix(s) to this Application form and affixes the stamp between the documents).

D - PHẦN CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

CUSTOMER'S DECLARATION

1. Chúng tôi cam đoan rằng mọi thông tin đưa ra tại Giấy đề nghị này đều đúng sự thật, chân thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản này. Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Vietcombank có thể yêu cầu thêm thông tin để xác thực các thông tin mà chúng tôi xác nhận ở trên. Trong trường hợp được yêu cầu bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Vietcombank thay mặt chúng tôi cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề nghị Vietcombank cung cấp các dịch vụ mà chúng tôi đã đăng ký ở trên *(We hereby certify that the information provided on this Application is completely accurate, truthful, and we have legal responsibility for the accurateness, truthfulness of documents attached to this Application. We understand and agree that Vietcombank may request additional information to verify the self-certifications above. In case of request by competent state agencies, Vietcombank provide such on behalf of us to the applicable governmental authorities in accordance with law. We kindly request Vietcombank to provide us with the services registered above).*

2. Bằng việc đồng ý sử dụng các dịch vụ Ngân hàng nêu trên, Chúng tôi xác nhận và đồng ý rằng chúng tôi: (i) đã được Vietcombank cung cấp đầy đủ thông tin về thỏa thuận/hợp đồng/giấy đề nghị theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và các dịch vụ tại giấy đề nghị này; (ii) đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện các Điều khoản, điều kiện chung dưới đây và đồng ý rằng khi đại diện hợp pháp của Vietcombank ký vào "Phần dành cho Ngân hàng" tại văn bản này thì văn bản này và các Điều khoản, điều kiện chung dưới đây được coi là Hợp đồng và có giá trị ràng buộc các bên *(By agreeing to use the above mentioned Banking services, we certify and agree that (i) Vietcombank has provided us full information about the agreement/contract/application form, general terms and conditions and services information in this application; (ii) We have read, understood, agreed and committed to the following Terms and Conditions and agreed that since Vietcombank's legal representative sign in the "Bank use only" part in this document, all parties are bound by this document and Terms and Conditions, which are considered as a Contract).*

Đồng ý (Agree)

Điều khoản, Điều kiện về mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại Vietcombank đối với khách hàng tổ chức *(Terms and Conditions on opening and using deposit account at Vietcombank for non-individual customer)*

Quy định sử dụng dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền trên hệ thống VCB Cash-up của Vietcombank *(Regulations on using payment services and cash flow management on Vietcombank's VCB Cash-up system)*

Điều khoản, Điều kiện cung cấp và sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức (bao gồm dịch vụ VCB - iB@nking, VCB SMS Banking, dịch vụ VCB Digibiz) *(Terms and Conditions on providing and using VCB E-banking (including VCB Ib@nking/ VCB SMS B@nking) for Institutional customer)*

Thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ VCBCC (Tài trợ thương mại trực tuyến) *(Agreement for providing and use of online trade finance service)*

Điều khoản và Điều kiện sử dụng dịch vụ Thẻ ghi nợ dành cho khách hàng tổ chức *(Terms and Conditions on using Debit card service for Institutional customer)*

Điều khoản và Điều kiện sử dụng Phương thức xác thực của khách hàng tổ chức *(Terms and Conditions on Authentication methods for Institutional customers)*

Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân *(General terms and conditions on personal data protection)*

Chúng tôi chịu trách nhiệm cập nhật và chấp thuận các Điều khoản và Điều kiện nói trên được sửa đổi theo từng thời kỳ trên website chính thức của Vietcombank (hiện nay là <https://www.vietcombank.com.vn>) và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của ngân hàng *(We agree that it is our responsibility to update and accept the above Terms and Conditions as amended on the official website of Vietcombank (currently being <https://www.vietcombank.com.vn>) and/ or other service distribution channels of the bank).*

3. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản, dịch vụ Ngân hàng điện tử, dịch vụ thẻ theo quy định của pháp luật và của Vietcombank *(We commit to operate and manage these accounts and ebanking and card services in accordance with law and Vietcombank's regulations).*

4. Việc Người đại diện hợp pháp, Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán, Người được ủy quyền của Người đại diện hợp pháp, Người được ủy quyền của Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán cung cấp thông tin và ký xác nhận tại Phụ lục 02, 03, 06, 07 đính kèm Giấy đề nghị này cũng chính là xác nhận về tính chính xác, đầy đủ và giá trị pháp lý của các thông tin/nội dung đăng ký, ủy quyền tại các phụ lục/văn bản đính kèm và xác lập văn bản ủy quyền có giá trị pháp lý *(Signatures and declaration of Lawful Representatives of Customer, Chief Accountant/Person in charge of accounting, Person authorised by Lawful Representative, Person authorised by Chief Accountant/Person in charge of accounting in Appendix 02, 03, 06, 07 attached to this Application also considered as confirmation on accuracy, completeness and legal validity of all registered and authorised information and constitute a lawful power of attorney).*

5. Trong trường hợp Giấy đề nghị này không đính kèm văn bản ủy quyền riêng, phạm vi ủy quyền của những người được ủy quyền là Người đại diện hợp pháp chỉ bao gồm sử dụng tài khoản, không bao gồm mở mới tài khoản, thay đổi thông tin tài khoản, tạm khóa tài khoản, đóng tài khoản *(In the case that this Application is not attached with a separate authorization document, the authorization scope of the authorized persons is limited to account use, not including the rights to do following transactions: new account opening, account information maintenance, account locking and account closing).*

6. Thời hạn ủy quyền được nêu tại văn bản ủy quyền riêng hoặc cho đến khi bên ủy quyền gửi thông báo mới tới Vietcombank về thay đổi ủy quyền hoặc thông báo về người được ủy quyền thôi giữ chức vụ tại văn bản ủy quyền và Vietcombank nhận được thông báo đó hoặc thông tin CCCD/CMND/Hộ chiếu của người được ủy quyền hết hiệu lực (The authorization is valid until the authorizing party sends notice in written form to VCB to change the authorization or to notify the authorized person to stop holding the position in the authorization document or until the Citizen ID/ID/Passport of the authorized person is invalid).

7. Chúng tôi cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng (We commit, guarant and take responsibility that):

(i) Việc Chúng tôi cung cấp dữ liệu cá nhân của những cá nhân có liên quan cho Vietcombank đã được sự ủy quyền hợp pháp của các cá nhân đó, bao gồm: việc cho phép Chúng tôi được thực hiện các thủ tục liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật và đồng ý cho Vietcombank thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích được nêu tại Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được đăng tải trên website chính thức của Vietcombank (hiện nay là <https://www.vietcombank.com.vn>) và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của ngân hàng (Our provision of personal data of relevant individuals to Vietcombank has been legally authorized by those individuals, including the authorisation for us to carry out procedures. related to personal data processing in accordance with the law and allow Vietcombank to process personal data for the purposes stated in the General transaction conditions on personal data protection posted on Vietcombank's official website (currently <https://www.vietcombank.com.vn>) and/or Vietcombank's service delivery channels).

(ii) Chịu trách nhiệm thu thập, chứng minh sự đồng ý của các cá nhân có liên quan về việc cho phép Vietcombank thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân. Vietcombank không có trách nhiệm phải thẩm định về tính hợp pháp, hợp lệ của sự đồng ý/chấp thuận này và việc lưu trữ bằng chứng chứng minh thuộc trách nhiệm của Chúng tôi. Vietcombank được miễn trách và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi Chúng tôi không thực hiện đúng nội dung quy định tại mục này. (Responsible for collecting and proving the consent of related individuals on the permission for Vietcombank to process personal data. Vietcombank is not responsible for verifying the legality and validity of this consent/approval and the storage of proofs is our responsibility. Vietcombank is exempt from liability and is entitled to claim for compensation of related damages and expenses when we fail to comply with the contents specified in this section).

(iii) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực đối với các dữ liệu cá nhân đã cung cấp cho Vietcombank. (Responsible for the accuracy, completeness, and truthfulness of personal data provided to Vietcombank).

(iv) Trường hợp cá nhân liên quan thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân tại Vietcombank, Vietcombank có quyền áp dụng theo thông tin cá nhân đã được cá nhân liên quan cập nhật trong quá trình giao dịch của Chúng tôi. Trường hợp thông tin của cá nhân liên quan cập nhật không khớp với thông tin tại hồ sơ do Chúng tôi cung cấp, Vietcombank có quyền tạm dừng giao dịch cho đến khi Chúng tôi điều chỉnh thông tin phù hợp. (In case the related individuals make adjustments to personal information at Vietcombank, Vietcombank has the right to use the updated personal information of related individuals for the process of our transaction. In case the updated information of the related individual does not match the information in the records provided by us, Vietcombank has the right to suspend our transactions until we provide appropriate information change request).

8. Giấy đề nghị này được lập thành 02 bản gốc và có giá trị pháp lý ngang nhau, khách hàng và Vietcombank mỗi bên giữ một bản. Trong trường hợp bất kỳ nội dung nào tại Giấy đề nghị này được quy định cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh mà có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng (This Application is executed in 02 originals with equal validity. Each party (Customer or Vietcombank) keeps 01 original. For any clause expressed in both Vietnamese and English, in case of any inconsistencies between the Vietnamese and English versions in this Application, the Vietnamese version shall prevail.)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA KHÁCH HÀNG

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

Representative, signature and stamp (if any)



Trần Thị Chôm

HỌ VÀ TÊN (Full Name)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG
(Bank use only)

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
(Vietcombank's representative)

Số HSTTKH:

Đã thực hiện sàng lọc khách hàng và các bên liên quan lúc giờ, ngày /___/___

Kết quả:

- Không cảnh báo Cảnh báo giả
 Cảnh báo thật (nêu rõ chủ thể và Danh sách):

Số TK VND: _____ Số TK Ngoại tệ: _____
Hiệu lực từ ngày (*effective from date*) /___/___

.....
HỌ VÀ TÊN (*Full Name*)

TIẾP NHẬN
CÁN BỘ

CÁN BỘ

XỬ LÝ

LĐP

Họ tên: _____
Ngày: ___/___/___

Họ tên: _____
Ngày: ___/___/___

Họ tên: _____
Ngày: ___/___/___

1107 25 3 2 1/2

Ngày (Date):/...../.....

Số hồ sơ thông tin khách hàng (CIF No.):

Biểu mẫu này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị mở hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) mà Quý khách đã xác nhận thông tin (This form is an integral part of Application for opening customer information file (CIF) and using banking services (for organization) of Joint – Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) within your signature for declaration).

Yêu cầu về mẫu chữ ký: Chữ ký bao gồm ký hiệu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) và dấu chức danh. Trường hợp không sử dụng dấu chức danh thì sử dụng chữ viết tay họ tên đầy đủ của khách hàng, không viết bằng chữ in hoa (Specimen signature requirement: Specimen signature includes signature, stamp (if any) and name stamp. In case name stamp is not available, handwritten full name of customer in lower case is required)

Người đăng ký chữ ký được ủy quyền phải là người của tổ chức mở tài khoản. Người đại diện của chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm về việc chỉ định người được ủy quyền của tổ chức mình để đăng ký với Ngân hàng (Persons having authorized signatures and authorized persons must be from the organization. The Representative of the Account holder is responsible for assigning authorized persons registered to Vietcombank).

Trường hợp Khách hàng không có Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (hoặc những người được ủy quyền): Người đại diện hợp pháp phải ghi dòng chữ: "KHÔNG ĐĂNG KÝ MẤU CHỮ KÝ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG" tại phần đăng ký chữ ký của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (In case Customer does not have a Chief Accountant/Chief Accountant in charge (or authorized persons): Legal Representative has to write the phrase "KHÔNG ĐĂNG KÝ MẤU CHỮ KÝ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG")

Bằng việc ký vào Biểu mẫu này, người đăng ký chữ ký đồng ý cho Vietcombank được thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân để thực hiện các mục đích được nêu tại Các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được đăng tải trên website chính thức của Vietcombank (hiện nay là <https://www.vietcombank.com.vn>) và/hoặc các kênh cung cấp dịch vụ của ngân hàng. (By signing This form, Persons registering the signature agrees to allow Vietcombank to collect and process personal data for purposes stated in the General transaction conditions on personal data protection posted on Vietcombank's official website (currently <https://www.vietcombank.com.vn>) and/or Vietcombank's service delivery channels.)

Tên khách hàng (Customer full name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Quý khách hàng vui lòng cung cấp các thông tin sau (Please provide the following information):

I – ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẤU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (Lawful Representative's signature stamp)
I.1 – DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (Lawful Representatives - continued)

Họ tên (Full Name): **Trần Thị Thơm**

CCCD/CMND/HC (ID / PP): **019178011295**

Ngày cấp: **10/08/2021**
(Date of issue)

Chức vụ: **Chủ tịch công ty.**
(Position)

Nơi cấp: **Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH.**
(Place of issue)

ĐTDD: **0917823679**
(Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms).

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp:
(Date of issue)

Chức vụ:
(Position)

Nơi cấp:
(Place of issue)

ĐTDD:
(Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)



Trần Thị Thơm

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)



Trần Thị Thơm

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất
 (First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
 (Second specimen signature)

I.2 – CƠ CHẾ PHÊ DUYỆT CÁC HỒ SƠ, ĐỀ NGHỊ, CHỨNG TỪ GIAO DỊCH TÀI KHOẢN VỚI NGÂN HÀNG¹ (Approval Mechanism on documents, Requests and documents of account transactions with VCB)

Chữ ký của một trong những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
 (Signature of one of the Account Holder's Lawful Representatives)

Chữ ký của trong những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
 (Signature of of the Lawful Representatives of the Account Holder)

Chữ ký của toàn bộ những người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản
 (Signatures of all Lawful Representatives of the Account Holder)

Trường hợp Quý khách không đăng ký Cơ chế phê duyệt trên các hồ sơ, đề nghị, chứng từ giao dịch tài khoản với VCB, tất cả các Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản cần ký trên các hồ sơ, đề nghị, chứng từ giao dịch với VCB. (In case Customer does not register Approval Mechanism on the documents, requests and document of account transactions with VCB, all Lawful Representatives of the Account Holder need to sign on documents, requests and transaction documents with VCB).

II - ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP ỦY QUYỀN (Persons authorised by Lawful Representative's signature stamp)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất
 (First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
 (Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất
 (First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
 (Second specimen signature)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất
 (First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
 (Second specimen signature)

¹ Áp dụng nếu Khách hàng đăng ký từ 02 (hai) Người đại diện hợp pháp trở lên (Only applied if customer registers more than one Lawful Representative of Account Holder)

III - ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Chief Accountant/Person in Charge of Accounting's signature stamp)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

IV - ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN ỦY QUYỀN (Persons authorised by Chief Accountant/Person in Charge of Accounting's signature stamp)

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---

Họ tên (Full Name):
 CCCD/CMND/HC (ID / PP):
 Ngày cấp: Nơi cấp:
 (Date of issue) (Place of issue)
 Chức vụ: ĐTDĐ:
 (Position) (Mobile)

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chữ ký mẫu thứ nhất (First specimen signature)	Chữ ký mẫu thứ hai (Second specimen signature)
---	---



V – ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO NHẬN HỒ SƠ/THẺ, GIAO DỊCH TIỀN MẶT TẠI NGÂN HÀNG (Person authorised to deliver/receive documents and perform cash transaction at VCB's signature stamp)

NGƯỜI GIAO DỊCH²: Tiền mặt (Cash transaction person)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức vụ: ĐTDĐ:

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chứng từ (Document transaction person)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

NGƯỜI GIAO DỊCH: Tiền mặt (Cash transaction person)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức vụ: ĐTDĐ:

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chứng từ (Document transaction person)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

NGƯỜI GIAO DỊCH: Tiền mặt (Cash transaction person)

Họ tên (Full Name):

CCCD/CMND/HC (ID / PP):

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức vụ: ĐTDĐ:

Tôi đồng ý cho Vietcombank thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của tôi được cung cấp tại Giấy đề nghị và các biểu mẫu liên quan. (I agree that Vietcombank is allowed to collect and process my personal data provided in the application and other related forms)

Chứng từ (Document transaction person)

Chữ ký mẫu thứ nhất
(First specimen signature)

Chữ ký mẫu thứ hai
(Second specimen signature)

VI – MẪU DẤU

Đóng dấu lần 1
Stamp the Seal 1st time



Đóng dấu lần 2
Stamp the Seal 2nd time



² Theo nội dung đã đăng ký tại Phụ lục 7 (As per registration in Appendix 07)

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

1. Điều kiện, điều khoản: là Điều kiện, điều khoản về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Vietcombank (áp dụng với Khách hàng tổ chức). Điều kiện, điều khoản là một bộ phận không tách rời của Giấy đề nghị.
2. Đóng tài khoản: là việc Vietcombank tắt toán tài khoản, đóng hồ sơ thông tin tài khoản và số tài khoản thanh toán của Khách hàng. Số tài khoản đã bị đóng có thể được sử dụng để đăng ký cho khách hàng khác.
3. Giấy đề nghị: bao gồm Giấy đề nghị mở/thay đổi hồ sơ thông tin khách hàng tổ chức và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng và các phụ lục đính kèm.
4. Khách hàng (KH): là tổ chức mở tài khoản thanh toán tại Vietcombank.
5. Ngày làm việc: Từ Thứ hai đến Thứ sáu hàng tuần mà Vietcombank mở cửa và hoạt động bình thường, ngoại trừ các ngày nghỉ theo quy định của Vietcombank và của pháp luật tại từng thời điểm.
6. Phong toả tài khoản: là việc Vietcombank tạm thời ngừng mọi hoạt động chi tiền hoặc/và thu tiền của toàn bộ hoặc một phần số tiền trên tài khoản thanh toán trong các trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.
7. Số dư được phép sử dụng: là số tiền Khách hàng có thể sử dụng từ tài khoản của mình. Số dư được phép sử dụng bằng (=) số dư Có trên tài khoản trừ (-) các khoản phong toả cộng (+) hạn mức thấu chi chưa sử dụng (nếu có).
8. Tài khoản thanh toán (TKTT): là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của KH mở tại VCB, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài khoản thanh toán để sử dụng các dịch vụ thanh toán do VCB cung ứng, tài khoản thanh toán có mục đích chuyên dùng, tài khoản ký quỹ không kỳ hạn.
9. Tài khoản thanh toán chung (TKTTC): là tài khoản có ít nhất hai chủ thể trở lên cùng đứng tên mở tài khoản. Chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức, cá nhân.
10. Vietcombank (VCB): Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 2. Quản lý và sử dụng TKTT

1. Phạm vi giao dịch
 - a) KH được sử dụng TKTT để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu VCB cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 - b) Việc sử dụng TKTT được mở để phục vụ việc theo dõi các khoản tiền ký quỹ, đảm bảo khả năng thanh toán và các mục đích khác theo quy định pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. VCB không chủ động trích Nợ đối với các khoản tiền ký quỹ, số tiền trên tài khoản đảm bảo thanh toán, các khoản tiền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoản tiền ký quỹ, khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chính VCB.
 - c) Đối với các TKTT có mục đích chuyên dùng: Thực hiện theo nội dung thỏa thuận về mục đích chuyên dùng khi mở TKTT, phù hợp quy định của pháp luật và quy định của VCB trong từng thời kỳ.
2. Hạn mức giao dịch trên TKTT
 - a) Hạn mức giao dịch trên TKTT được thiết lập căn cứ theo các yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn bởi: kênh giao dịch, ngày giao dịch, loại giao dịch, nhóm giao dịch, nhóm KH, phương thức xác thực giao dịch, nhóm phương thức xác thực giao dịch hoặc theo các yếu tố khác được VCB quy định từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
 - b) Hạn mức giao dịch trên TKTT do VCB quy định và/hoặc do KH thiết lập. Hạn mức giao dịch trên TKTT do KH thiết lập không được vượt quá hạn mức giao dịch trên TKTT do VCB quy định (nếu có).

- c) Giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử của KH được áp dụng các biện pháp xác thực đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng bằng phương tiện điện tử.
3. Lãi suất: KH được hưởng lãi trên số dư Có trên TKTT của KH mở tại VCB theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do VCB công bố trong từng thời kỳ tại địa điểm giao dịch và website <http://www.vietcombank.com.vn> hoặc theo thỏa thuận với KH, phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Phí: Bao gồm nhưng không giới hạn ở phí quản lý tài khoản, phí giao dịch tài khoản và các khoản phí liên quan khác theo biểu phí do VCB công bố theo từng thời kỳ tại địa điểm giao dịch và website <http://www.vietcombank.com.vn> hoặc theo các thỏa thuận riêng của KH với VCB.
5. Thấu chi: KH có thể sử dụng hạn mức thấu chi nếu có thỏa thuận thấu chi với VCB. Hạn mức thấu chi, phí và lãi thấu chi và các vấn đề liên quan khác thực hiện theo thỏa thuận giữa KH và VCB phù hợp với quy định của pháp luật và của VCB trong từng thời kỳ.
6. VCB cung cấp và thông báo cho KH các thông tin về số dư, các giao dịch phát sinh trên TKTT (bao gồm các giao dịch VCB chủ động trích nợ), việc TKTT bị phong tỏa, đóng, thời điểm hết hạn hiệu lực, hết hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân trong hồ sơ mở TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT. Hình thức thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử hoặc điện thoại có ghi âm hoặc các hình thức khác phù hợp quy định của pháp luật. KH có thể chủ động tra cứu thông tin qua:
 - a) Địa điểm giao dịch của VCB.
 - b) Trung tâm hỗ trợ KH của VCB (VCC): hotline (+84) 024.38243524 hoặc 1900 545413.
 - c) Trên kênh ngân hàng điện tử của VCB: VCB Digibiz, VCB-iB@nking, VCB Cashup và các kênh ngân hàng điện tử khác được VCB thông báo từng thời kỳ.
7. Các thông tin liên quan đến KH, TKTT của KH được VCB cung cấp cho KH (hoặc người đại diện hợp pháp của KH) theo yêu cầu đột xuất hoặc định kì theo thỏa thuận bằng văn bản giữa VCB và KH. Việc cung cấp thông tin liên quan đến KH, TKTT của KH cho các nhu cầu khác thực hiện theo quy định của VCB, các quy định pháp luật của Việt Nam và quốc tế mà VCB phải tuân thủ.
8. Địa điểm giao dịch:
 - a) KH có thể thực hiện giao dịch tại mọi địa điểm giao dịch thuộc mạng lưới hoạt động của VCB (Trụ sở chính/Trụ sở chi nhánh/Phòng giao dịch).
 - b) Các giao dịch thực hiện trên phương tiện điện tử và các máy móc thiết bị tự động khác được quy định cụ thể theo từng sản phẩm, dịch vụ do VCB cung ứng trong từng thời kỳ.

Điều 3. Tài khoản thanh toán chung

1. Việc sử dụng TKTTTC phải thực hiện đúng theo các nội dung tại văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý, sử dụng TKTTTC của các chủ tài khoản.
2. Các chủ TKTTTC chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với TKTTTC và việc sử dụng TKTTTC phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng TKTTTC.
3. Thông báo liên quan đến việc sử dụng TKTTTC phải được gửi đến tất cả các chủ TKTTTC, trừ trường hợp giữa VCB và các chủ TKTTTC có thỏa thuận khác.
4. Từng chủ TKTTTC có thể ủy quyền cho người khác (bao gồm chủ TKTTTC còn lại) thay mặt mình sử dụng TKTTTC nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ TKTTTC còn lại.
5. Khi chủ thể đứng tên mở TKTTTC là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTTTC được giải quyết theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp các chủ TKTTTC có quốc tịch, tình trạng cư trú khác nhau thì TKTTTC chỉ được sử dụng trong phạm vi được phép của tất cả các chủ TKTTTC theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 4. Ủy quyền trong sử dụng TKTT

1. KH có thể ủy quyền trong sử dụng TKTT. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về ủy quyền.

2. Khi có nhu cầu ủy quyền sử dụng TKTT, KH phải gửi VCB văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của KH, kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) kèm các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với cá nhân là người được ủy quyền.
3. Phạm vi ủy quyền:
 - a) Văn bản ủy quyền cần ghi rõ phạm vi ủy quyền đối với sử dụng TKTT, thay đổi thông tin TKTT, phong tỏa TKTT, đóng TKTT, mở mới TKTT.
 - b) Trong trường hợp chỉ sử dụng Giấy đề nghị và không kèm theo Văn bản ủy quyền riêng, VCB chỉ chấp nhận phạm vi ủy quyền là sử dụng TKTT, không bao gồm các nội dung ủy quyền khác bao gồm thay đổi thông tin TKTT, phong tỏa TKTT, đóng TKTT, mở mới TKTT.
4. Thời hạn ủy quyền:
 - a) KH có thể ủy quyền từng lần (chỉ thực hiện một lần giao dịch và khi thực hiện xong giao dịch này thì Văn bản ủy quyền sẽ chấm dứt hiệu lực) hoặc có thời hạn (thực hiện giao dịch trong thời hạn nhất định tại Văn bản ủy quyền hoặc Giấy đề nghị).
 - b) Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận tại Văn bản ủy quyền hoặc do pháp luật quy định hoặc theo thời hạn chấm dứt ủy quyền nêu tại Văn bản yêu cầu chấm dứt ủy quyền của KH gửi VCB hoặc khi VCB nhận được yêu cầu điều chỉnh thông tin KH thay đổi nội dung thời hạn ủy quyền (trong mọi trường hợp thời hạn chấm dứt ủy quyền này không sớm hơn thời điểm VCB nhận được Văn bản yêu cầu chấm dứt ủy quyền/yêu cầu điều chỉnh thông tin khách hàng).
 - c) Trường hợp đăng ký ủy quyền thực hiện thông qua Giấy đề nghị theo mẫu của VCB: thời hạn ủy quyền có hiệu lực cho đến khi bên ủy quyền gửi thông báo bằng văn bản tới VCB về việc thay đổi ủy quyền hoặc thông báo bằng văn bản về việc người được ủy quyền thôi giữ chức vụ (trong mọi trường hợp thời hạn chấm dứt ủy quyền không sớm hơn thời điểm VCB nhận được thông báo bằng văn bản của KH).
 - d) Trường hợp đăng ký ủy quyền không thực hiện thông qua Giấy đề nghị theo mẫu của VCB và Văn bản ủy quyền không quy định về thời hạn ủy quyền hoặc không được xác định với giao dịch cụ thể thì thời hạn ủy quyền được xác định là 01 năm kể từ ngày xác lập việc ủy quyền theo quy định pháp luật.
5. Chấm dứt ủy quyền:
 - a) Chấm dứt ủy quyền chỉ áp dụng đối với Văn bản ủy quyền có thời hạn.
 - b) Người ủy quyền muốn chấm dứt ủy quyền cần trực tiếp gửi thông báo bằng văn bản cho VCB.
 - c) Việc áp dụng chấm dứt ủy quyền chỉ có hiệu lực sau khi VCB đã đưa toàn bộ thông tin chấm dứt ủy quyền lên hệ thống cơ sở dữ liệu của VCB.
6. Trường hợp người ủy quyền muốn thay đổi nội dung ủy quyền phải lập văn bản ủy quyền mới thay thế nội dung ủy quyền cũ và thực hiện thay đổi thông tin tại VCB.
7. VCB không cung cấp dịch vụ ủy quyền sử dụng TKTT của tổ chức cho tổ chức khác.

Điều 5. Phong tỏa TKTT

1. VCB thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số dư trên TKTT của KH trong các trường hợp sau:
 - a) Theo thỏa thuận trước giữa VCB và KH hoặc theo yêu cầu của KH.
 - b) Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - c) Khi VCB phát hiện có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào TKTT của KH hoặc thực hiện theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyển tiền sau khi ghi Có vào TKTT của KH. Số tiền bị phong tỏa trên TKTT không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót.
 - d) Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ TKTTTC trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa VCB và các chủ TKTTTC.
 - e) Khi nghi ngờ hoặc phát hiện KH hoặc giao dịch của KH có liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- f) Khi phát hiện có sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường trong quá trình mở và sử dụng TKTT.
 - g) Khi có cơ sở nghi ngờ TKTT của KH gian lận, vi phạm pháp luật.
 - h) Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và của VCB trong từng thời kỳ.
2. Sau khi phong tỏa TKTT, VCB phải thông báo cho KH biết về lý do và phạm vi phong tỏa TKTT (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu VCB không thông báo cho KH về việc phong tỏa TKTT). Hình thức thông báo bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử hoặc điện thoại có ghi âm hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.
 3. Số tiền bị phong tỏa trên TKTT được bảo toàn và kiểm soát chặt theo nội dung phong tỏa. Trường hợp TKTT bị phong tỏa một phần số tiền trên TKTT thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng như bình thường.
 4. Việc chấm dứt phong tỏa TKTT được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:
 - a) Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa VCB và KH.
 - b) Khi có quyết định chấm dứt phong tỏa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - c) Đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn trong thanh toán chuyển tiền quy định tại điểm c, khoản 1 hoặc sau khi đã xử lý xong việc xác minh/điều tra tại điểm e, f, g, khoản 1 Điều này.
 - d) Khi có yêu cầu chấm dứt phong tỏa của tất cả các chủ TKTTTC hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa VCB và các chủ TKTTTC.
 - e) Theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 6. Đóng TKTT

1. VCB thực hiện đóng TKTT của KH trong các trường hợp sau:
 - a) KH có yêu cầu và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến TKTT.
 - b) KH chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - c) KH vi phạm các hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT theo quy định pháp luật; vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại Giấy đề nghị và/hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến mở và sử dụng TKTT tại VCB.
 - d) KH sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để mở hoặc sử dụng TKTT cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác.
 - e) TKTT có số dư bằng 0 và không phát sinh giao dịch trong thời gian trên 12 tháng liên tục; hoặc khi VCB triển khai các chương trình riêng và được thông báo tới KH trên Website của VCB;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận bằng văn bản giữa VCB và KH (nếu có).
2. VCB phải thông báo cho KH biết về việc đóng TKTT sau khi đóng.
3. Xử lý số dư còn lại sau khi đóng TKTT:
 - a) Thanh toán phí đóng TKTT (nếu có) và các khoản phí liên quan khác theo biểu phí của VCB.
 - b) Chi trả theo yêu cầu của KH hoặc theo thỏa thuận trước giữa VCB và KH.
 - c) Chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - d) Xử lý theo thỏa thuận từ trước giữa KH với VCB và quy định của pháp luật liên quan trong trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên TKTT đã được thông báo mà không đến nhận.
 - e) Trường hợp đóng TKTT khi tổ chức chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì số tiền còn lại trước khi chi trả theo yêu cầu của KH phải được bù trừ với số công nợ của KH tính đến thời điểm đóng TKTT với toàn hệ thống VCB theo văn bản thỏa thuận giữa KH với VCB.
4. Sau khi đóng TKTT, KH phải làm thủ tục để mở TKTT mới trong trường hợp KH muốn sử dụng các dịch vụ về TKTT của VCB.
5. VCB không cung cấp cho KH thông tin TKTT đã đóng trừ trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được VCB chấp thuận.

Điều 7. Tra soát, khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. VCB tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của KH trong quá trình sử dụng TKTT qua các hình thức bao gồm:
 - a) Tiếp nhận qua tổng đài điện thoại (có ghi âm) đối với các đề nghị tra soát, khiếu nại không bắt buộc phải thực hiện tại điểm giao dịch:
 - (i) Tất cả các tra soát, khiếu nại của KH qua tổng đài điện thoại chăm sóc KH của VCB đều được ghi âm.
 - (ii) Trường hợp các giao dịch tra soát do lỗi của KH: Trong vòng 05 ngày làm việc, KH cần bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của VCB quy định cho từng dịch vụ cung ứng sản phẩm (mẫu giấy hoặc mẫu điện tử) làm căn cứ chính thức để xử lý tra soát, khiếu nại.
 - (iii) Trường hợp các giao dịch tra soát do lỗi của VCB hoặc đối tác của VCB: theo hướng dẫn cụ thể của từng sản phẩm dịch vụ.
 - b) Tiếp nhận tại các điểm giao dịch của VCB: KH nộp giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của VCB quy định cho từng dịch vụ cung ứng sản phẩm.
 - c) Tiếp nhận trên các kênh ngân hàng điện tử: theo khả năng cung ứng dịch vụ của VCB từng thời kỳ.
2. KH được quyền đề nghị VCB thực hiện tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.
3. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại:
 - a) Tra soát, khiếu nại không liên quan tới nghiệp vụ thẻ: Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của KH theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Tra soát, khiếu nại liên quan đến nghiệp vụ thẻ: Thực hiện theo quy định của VCB và pháp luật về nghiệp vụ thẻ.
 - c) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho KH, VCB thực hiện bồi hoàn tổn thất cho KH theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của KH.
 - d) Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại, mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, VCB thỏa thuận với KH về phương án xử lý.
4. Trong quá trình xử lý tra soát, khiếu nại của KH, trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, VCB thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước cấp tỉnh, thành phố trên địa bàn. Việc thông báo cho KH bằng văn bản về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại được thực hiện theo thẩm quyền, quy định, quy trình về giải quyết đề nghị, phản ánh, khiếu nại hiện hành của VCB. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, VCB thỏa thuận với KH về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.
5. Trường hợp VCB và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thu thập, sử dụng và bảo mật thông tin

1. Bằng việc mở, sử dụng TKTT và các dịch vụ của VCB, KH đồng ý rằng VCB sẽ thu thập, sử dụng và cung cấp thông tin của KH và thông tin do KH cung cấp theo quy định tại Điều khoản, Điều kiện này phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ.
2. Thông tin được VCB thu thập từ nguồn KH cung cấp, thông tin do VCB tổng hợp từ quá trình sử dụng dịch vụ trên các kênh giao dịch với VCB, các nguồn thông tin công khai, hợp pháp khác của KH theo quy định của pháp luật. KH cam kết cung cấp thông tin trung thực, chính xác cho VCB trong quá trình mở, sử dụng dịch vụ, xử lý khiếu nại, tranh chấp tại VCB.
3. Việc xử lý dữ liệu cá nhân của KH hoặc dữ liệu cá nhân do KH cung cấp (bao gồm chủ tài khoản là cá nhân trong trường hợp KH mở TKTT, người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy

quyền của KH, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người được ủy quyền và những người liên quan khác trong quá trình mở và sử dụng TKTT) được VCB thực hiện theo quy định pháp luật và Các điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân do VCB công bố trong từng thời kỳ hoặc thỏa thuận riêng giữa KH và VCB.

4. VCB sử dụng thông tin của KH và thông tin khác do KH cung cấp để thực hiện các mục đích sau:
 - a) Nhận biết, xác minh KH và người liên quan của KH khi KH đăng ký, sử dụng dịch vụ của VCB.
 - b) Cung cấp dịch vụ cho KH căn cứ: (i) Thông tin KH khai báo để đăng ký dịch vụ; và/hoặc (ii) Thông tin KH đã được VCB thu thập từ các nguồn thông tin công khai, hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Thực hiện theo yêu cầu của pháp luật về mở và sử dụng TKTT bao gồm nhưng không giới hạn ở việc theo dõi thông tin thời hạn hiệu lực giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của người liên quan của KH.
 - d) Phục vụ các yêu cầu trong hoạt động nội bộ của VCB: các mục đích quản lý tín dụng và rủi ro; quy hoạch và phát triển hệ thống hoặc phát triển sản phẩm ngân hàng, sản phẩm bảo hiểm, kiểm toán và điều hành, mục đích khác theo quy định của pháp luật.
 - e) Thực thi hoặc bảo vệ các quyền của VCB.
 - f) Duy trì mối quan hệ tổng thể của VCB với KH (kể cả hoạt động chăm sóc KH, tiếp thị hoặc xúc tiến các dịch vụ tài chính và các sản phẩm có liên quan đến KH và nghiên cứu thị trường, bao gồm cả nghiên cứu thị trường do đơn vị thứ 3 thực hiện thay VCB).
 - g) Cải thiện trải nghiệm trực tuyến của KH và đo lường hiệu quả của các hoạt động tiếp thị.
 - h) Các mục đích khác được nêu tại Các điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân do VCB công bố trong từng thời kỳ hoặc thỏa thuận riêng giữa KH và VCB.
5. VCB thực hiện cung cấp thông tin cho bên thứ ba trong các trường hợp bao gồm: phục vụ việc cung ứng dịch vụ thanh toán cho KH; xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật; theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của KH; các trường hợp khác theo yêu cầu hoặc thỏa thuận của KH với VCB.
6. Nhằm thực hiện các mục đích xử lý dữ liệu cá nhân, VCB có thể phải cung cấp/chuyển dữ liệu cá nhân cho các bên thứ ba liên quan của VCB và các bên thứ ba này có thể có trụ sở tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam. Khi thực hiện cung cấp/chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, VCB sẽ yêu cầu bên thứ ba tiếp nhận đảm bảo an toàn, bảo mật đối với dữ liệu cá nhân được cung cấp/chuyển giao. VCB cam kết tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật Việt Nam để bảo vệ an toàn cho dữ liệu cá nhân.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền của KH
 - a) Được quyền sử dụng số dư trên TKTT của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ.
 - b) Được lựa chọn và thỏa thuận việc sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán phù hợp với nhu cầu của mình do VCB cung cấp.
 - c) Được uỷ quyền trong sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và quy định của VCB ban hành trong từng thời kỳ.
 - d) Được yêu cầu VCB thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT của mình theo thỏa thuận với VCB.
 - e) Được yêu cầu VCB thực hiện phong tỏa, chấm dứt phong tỏa phù hợp với thỏa thuận giữa KH và VCB, đóng TKTT đã mở; được gửi thông báo cho VCB về việc phát sinh tranh chấp về TKTT giữa các chủ TKTT.
 - f) Được yêu cầu VCB hướng dẫn quản lý, sử dụng TKTT an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng TKTT theo thỏa thuận với VCB.
 - g) Đồng ý nhận các tin nhắn, email, cuộc gọi từ VCB đến số điện thoại, địa chỉ email đăng ký của KH về các dịch vụ mới, các chương trình khuyến mại về dịch vụ và các thông báo liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của KH cũng như các yêu cầu nhận biết và/hoặc nhận biết nâng cao, xác minh và cập

nhật thông tin KH và các bên liên quan.

- h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa KH với VCB không trái với quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của KH
- a) Đảm bảo có đủ tiền trên TKTT để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với VCB thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên TKTT.
 - b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và của VCB.
 - c) Kịp thời thông báo cho VCB khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên TKTT của mình hoặc nghi ngờ TKTT của mình bị lợi dụng.
 - d) Hoàn trả hoặc phối hợp với VCB hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào TKTT của mình (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của VCB/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác).
 - e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin và chứng từ thanh toán mà mình cung cấp.
 - f) Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho VCB những thông tin trong hồ sơ TKTT, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của VCB theo thỏa thuận hoặc khi KH có cập nhật (bao gồm cả thông tin về KH, các bên liên quan và giấy tờ, chứng từ liên quan); chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua TKTT do lỗi của mình.
 - g) Duy trì số dư tối thiểu trên TKTT theo quy định của VCB từng thời kỳ.
 - h) Chỉ được thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên TKTT khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp. Phương thức đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học theo quy định pháp luật và theo khả năng cung ứng dịch vụ và quy định của VCB từng thời kỳ.
 - i) Không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (i) Mở hoặc duy trì TKTT nặc danh, mạo danh.
 - (ii) Cho thuê, cho mượn TKTT của mình.
 - (iii) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng TKTT để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.
 - j) Chịu trách nhiệm bảo vệ các bí mật thông tin TKTT, giao dịch của cá nhân do mình quản lý và tuân thủ các quy định an toàn về việc sử dụng dịch vụ để đảm bảo an toàn, bảo mật trong giao dịch thanh toán.
 - k) KH cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng:
 - (i) Việc KH cung cấp dữ liệu cá nhân của những người liên quan cho VCB đã được sự ủy quyền hợp pháp của các cá nhân đó, bao gồm việc cho phép KH được thực hiện các thủ tục liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật và đồng ý cho VCB thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích được nêu tại khoản 4, Điều 8 Điều kiện, điều khoản này.
 - (ii) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực đối với các dữ liệu cá nhân đã cung cấp cho VCB.
 - (iii) Chịu trách nhiệm thu thập, chứng minh sự đồng ý của các cá nhân này về việc cho phép VCB thực hiện xử lý dữ liệu cá nhân.
 - (iv) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
 - l) KH cam kết về việc phối hợp cung cấp thông tin xác minh giao dịch, thông tin nhận biết KH khi có yêu cầu từ phía VCB. Đồng thời, KH cam kết sẽ chấp nhận các biện pháp xử lý rủi ro được VCB áp dụng trong trường hợp KH từ chối phối hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu.
 - m) Không được sử dụng TKTT của mình để thực hiện các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ

khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vi phạm cấm vận, lừa đảo, gian lận, giả mạo hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Cam kết nguồn gốc tài sản/tiền có nguồn gốc hợp pháp, minh bạch.

- n) Tuân thủ các quy định của pháp luật và của VCB về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận, đạo luật FATCA và các quy định khác có liên quan.
- o) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn và/hoặc đồng ý ủy quyền cho VCB trích nợ tự động tài khoản thanh toán của KH để thanh toán các khoản phí theo quy định của VCB liên quan đến việc sử dụng dịch vụ và thực hiện giao dịch.
- p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa KH với VCB không trái với quy định của pháp luật hiện hành.
- q) Nếu KH đề nghị hủy bỏ một yêu cầu giao dịch đã được KH tự thực hiện thì VCB có quyền quyết định trong phạm vi có thể theo các quy định, thông lệ của hệ thống ngân hàng để nỗ lực hỗ trợ KH. KH đồng ý rằng KH sẽ chịu mọi trách nhiệm ngay cả trong trường hợp người hưởng đã nhận tiền và KH chịu mọi chi phí phát sinh nếu có.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của VCB

1. Quyền của VCB
 - a) Được chủ động trích Nợ TKTT của KH trong các trường hợp sau:
 - (i) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.
 - (ii) Trích nợ liên quan đến gian lận, lừa đảo khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.
 - (iii) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của TKTT theo quy định của pháp luật.
 - (iv) Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào TKTT của KH hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập.
 - (v) Theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa KH với VCB để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ hoặc thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh.
 - b) Được từ chối thực hiện lệnh thanh toán của KH trong các trường hợp sau:
 - (i) Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ.
 - (ii) KH không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT hoặc lệnh thanh toán không phù hợp với các thỏa thuận mở, sử dụng TKTT.
 - (iii) Khi thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử, KH chưa hoàn thành cung cấp dữ liệu sinh trắc học của Người đại diện hợp pháp.
 - (iv) TKTT không đủ số dư để thực hiện lệnh thanh toán hoặc vượt hạn mức thấu chi.
 - (v) TKTT bị đóng hoặc phong tỏa toàn bộ.
 - (vi) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật hoặc có cơ sở hợp lý nghi ngờ về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
 - (vii) KH vi phạm các hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT quy định của pháp luật.
 - (viii) KH từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết KH theo yêu cầu của VCB hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền.
 - (ix) Các trường hợp khác theo thỏa thuận trước với KH bao gồm trường hợp TKTT thuộc danh sách cảnh báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc có dấu hiệu vi phạm các tiêu chí nhận diện các

- TKTT có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và VCB tại từng thời kỳ.
- c) Tạm dừng lệnh thanh toán, giao dịch rút tiền và các giao dịch khác của KH trong các trường hợp sau:
 - (i) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - (ii) Giấy tờ tùy thân của KH và người liên quan trong quá trình sử dụng TKTT bị hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng theo quy định.
 - (iii) TKTT của KH có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VCB.
 - (iv) Tạm dừng cung cấp dịch vụ để nâng cấp, chỉnh sửa, hoàn thiện quy trình và hệ thống công nghệ trong trường hợp VCB đánh giá là cần thiết để đảm bảo an toàn, bảo mật khi cung cấp dịch vụ.
 - d) Từ chối thực hiện yêu cầu đóng, phong tỏa TKTT của KH trong trường hợp KH chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho VCB.
 - e) Quy định về số dư tối thiểu, phạm vi sử dụng, cách thức sử dụng, hạn mức giao dịch trên TKTT và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để KH biết.
 - f) Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng TKTT phù hợp với quy định của pháp luật bao gồm nhưng không giới hạn việc cảnh báo, hướng dẫn cho KH về các phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng TKTT; hướng dẫn việc bảo mật thông tin dữ liệu và việc sử dụng TKTT an toàn; từ chối hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch; thực hiện xác minh lại thông tin nhận biết KH và áp dụng biện pháp theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
 - g) Thực hiện xác minh lại thông tin nhận biết KH và áp dụng biện pháp theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong các trường hợp sau:
 - (i) KH có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.
 - (ii) VCB có cơ sở nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ mở TKTT của KH đã thu thập trước đây.
 - (iii) Thông tin của KH có trong Danh sách đen theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước hoặc danh sách KH liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có).
 - (iv) Thông tin về TKTT, chủ TKTT sai lệch, không phù hợp với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền.
 - h) Được quyền từ chối/ngừng cung cấp dịch vụ/chấm dứt quan hệ/đóng/phong tỏa TKTT khi phát hiện có rủi ro liên quan đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và của VCB về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận, đạo luật FATCA và các quy định khác có liên quan; KH thuộc phạm vi cấm thiết lập/chấm dứt quan hệ hoặc hạn chế/từ chối cung cấp dịch vụ/thực hiện giao dịch theo quy định của VCB từng thời kỳ.
 - i) Được phép thu thập, sử dụng và cung cấp các thông tin liên quan đến KH và giao dịch của KH theo quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận và tuân thủ đạo luật FATCA.
 - j) Được thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân của những người liên quan của KH theo quy định tại Điều 8 và khoản k, Điều 9 Điều kiện, điều khoản này. VCB không có trách nhiệm phải thẩm định về tính hợp pháp, hợp lệ của sự đồng ý/chấp thuận của người liên quan và việc lưu trữ bằng chứng chứng minh thuộc trách nhiệm của KH. Đồng thời, VCB được miễn trách và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi KH không thực hiện đúng theo quy định này.
 - k) Được quyền thực hiện các biện pháp xử lý với trường hợp TKTT nghi ngờ gian lận, lừa đảo và vi phạm quy định pháp luật theo quy định của pháp luật và VCB tại từng thời kỳ. Các biện pháp xử lý bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Đóng TKTT, Phong tỏa TKTT, Tạm dừng thực hiện giao dịch TKTT bằng phương tiện điện tử, chặn ghi nợ, chặn ghi có TKTT.

- l) Được quyền miễn trừ trách nhiệm nếu xảy ra tranh chấp do các thông tin thay đổi khác với thông tin lưu trên hệ thống thông tin của VCB mà KH không thông báo cho VCB bằng văn bản.
- m) Phạt vi phạm hợp đồng do KH vi phạm các quy định về sử dụng TKTT và các dịch vụ đã thỏa thuận.
- n) Được cung cấp thông tin quảng cáo về tất cả các sản phẩm, dịch vụ, chương trình hoạt động của VCB bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc qua các kênh khác, trừ trường hợp KH có thỏa thuận khác với VCB.
- o) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa VCB và KH không trái với quy định pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ của VCB

- a) Thực hiện lệnh thanh toán của KH sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.
- b) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của KH đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng TKTT.
- c) Kịp thời ghi Có vào TKTT của KH các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào TKTT; hoàn trả các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với TKTT của KH; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào TKTT của KH theo đề nghị của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập.
- d) Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho KH về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên TKTT và việc phong tỏa, đóng TKTT, thời điểm hết hạn hiệu lực, hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân trong hồ sơ mở TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.
- e) Cập nhật thông tin KH định kỳ hoặc khi KH thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở TKTT và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết KH khi xác định KH có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do VCB ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ TKTT và các chứng từ giao dịch qua TKTT theo đúng quy định của pháp luật.
- f) Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của KH hoặc dữ liệu cá nhân do KH cung cấp, các thông tin liên quan đến TKTT và các giao dịch trên TKTT của KH theo quy định của pháp luật.
- g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:
 - (i) Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của VCB bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ.
 - (ii) Thiệt hại do VCB không thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các trường hợp liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật.
 - (iii) Thiệt hại do VCB không áp dụng biện pháp xử lý theo quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng TKTT khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc KH, TKTT của KH liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật.
- h) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật.
 - i) Hướng dẫn KH sử dụng TKTT an toàn, thông báo, giải thích cho KH về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng TKTT và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của KH trong mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa KH với VCB.
- j) Được cung cấp thông tin quảng cáo về tất cả các sản phẩm, dịch vụ, chương trình hoạt động của VCB bằng thư điện tử, tin nhắn hoặc qua các kênh khác, trừ trường hợp KH có thỏa thuận khác với VCB.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa KH với VCB không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các thỏa thuận khác.

1. Bản Điều kiện, điều khoản này được điều chỉnh theo các văn bản pháp luật liên quan của Việt Nam.
2. Bản Điều kiện, điều khoản này là một phần không tách rời của Giấy đề nghị được KH và VCB ký

kết và thực hiện.

3. Ngoài nội dung trong Giấy đề nghị, Bản Điều kiện, điều khoản này gồm 11 Điều, được lập bằng tiếng Việt và làm thành ... bản gốc có giá trị như nhau. VCB giữ ... bản, KH giữ ... bản.

Thông tin liên hệ của Vietcombank

- ✓ Website chính thức của Vietcombank: <http://www.vietcombank.com.vn>
- ✓ Trung tâm dịch vụ KH 24/7: hotline 1900545413;
- ✓ Mạng lưới điểm giao dịch của Vietcombank;
- ✓ Trụ sở chính:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Điện thoại: (84.24) 3934 3137

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam Fax: (84.24) 3936 5780



100